

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: **01/2018/HS-ST**

Ngày: 23 - 01 - 2018.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B- TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Trường**

Các Hội thẩm nhân dân: + Ông **Nguyễn Ry**

+ Bà **Nguyễn Thị Tài**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trương Quang Vũ**- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Văn Đông** và ông **Lê Hữu Việt Phú**- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 71/2017/TLST- HS ngày 01 tháng 12 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2018/QĐXXST- HS ngày 09 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Đức L**; Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1978; Nơi sinh: Thanh Hóa; Nơi ĐKNKTT: Tổ 9, Thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng; Nơi ở hiện nay: Công ty A Thôn 6, xã Y, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: quản lý, bảo vệ; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Danh Đ, sinh năm 1934; Con bà: Vũ Thị T, sinh năm 1934; Vợ con: chưa có; Tiền sự: không; Tiền án: Tại bản án số 113/HSST ngày 01/4/2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xử phạt Trần Đức L 07 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, thời hạn tù tính từ ngày 14/10/2002; Đồng thời về trách nhiệm dân sự tuyên buộc Trần Đức L phải bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 34.300.000đ. Ngày 19/10/2006 Chi cục Thi hành án dân sự huyện D ban hành quyết định thi hành án, tuy nhiên đến thời điểm phạm tội (ngày 06/7/2015) bị cáo L chưa thi hành phần trách nhiệm dân sự trên; Nhân thân: Tại bản án số 17/HSST ngày 12/4/2000 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Lâm Đồng xử phạt Trần Đức L 03 tháng 18 ngày tù về tội “Cố ý gây thương tích”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 06/7/2015 Đến ngày 15/7/2015 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện B. *Bị cáo có mặt tại phiên tòa.*

*** Người bào chữa cho bị cáo Trần Đức L:**

+ Luật sư **Lê Thanh H**- Văn phòng luật sư P thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng. (vắng mặt)

+ Luật sư **Thái Văn Ch** và Luật sư **Nguyễn Văn S**- Công ty Luật TNHH MTV Hãng Luật N thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do mâu thuẫn từ trước với Lê Huy G, sinh năm 1991, nhân khẩu thường trú tại xã Quảng Hòa, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa đang phụ xây nhà cho Th (tên gọi khác là Th1), sinh năm 1971, trú tại Thôn 13, xã LN, huyện B, tỉnh Lâm Đồng nên khoảng 12 giờ 30 phút ngày 06/7/2015, M (tên gọi khác là M1), sinh năm 1971, trú tại Thôn 6, xã K, huyện D, tỉnh Lâm Đồng chạy xe ô tô hiệu Fairy loại 07 chỗ ngồi, biển số 51A- 497.09 đến nhà Th1 để nói chuyện với G. Khi vào nhà gặp C, sinh năm 1995 (con của Th1) nên hỏi C “*bố mẹ có ở nhà không*”, C nói bố mẹ đi vắng thì M1 tiếp tục hỏi “*thằng G có ở nhà không*”, C trả lời “*G đang ngủ trong phòng*” rồi C nói em trai là Nguyễn Duy C1 gọi Lê Huy G dậy đến ngồi ghế bên phải gần chỗ M1 ngồi. Khi G vừa ngồi xuống, M1 chửi và dùng tay phải tát G một cái nên G đâm lại 02 cái vào người M1. Thấy vậy, C lao tới chụp điều cày hút thuốc Lào đang để trên bàn đánh 01 cái trúng hông trái M1. M1 nói “*cái này tụi mày tự chuốc lấy, tao sẽ kêu người xử tụi mày*” rồi M1 lái xe ô tô về nhà. Trên đường về nhà thì Trần Đức L, sinh năm 1978, trú tại Tổ 9, Thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng là bạn của M1 gọi điện thoại hỏi mượn xe ô tô thì M1 đã kể cho L nghe việc đến nhà Th1 và bị C cùng G đánh. Còn G, sau khi M1 về sợ M1 gọi người xuống đánh mình nên G gọi điện thoại cho Q và Q1 (Hưng), sinh năm 1993 (anh trai của C) kể lại chuyện vừa đánh nhau nên Q1 và Q đang ở Thị trấn LT, huyện B, tỉnh Lâm Đồng chạy xe máy về nhà. Một lúc sau, chị Trần Thị V, sinh năm 1973 (vợ Th1) gọi điện cho C và được biết nhà có chuyện nên gọi điện thoại cho chồng rồi cùng chị Phạm Thị V1, sinh năm 1991 (hàng xóm nhà chị V) điều khiển xe máy về nhà.

Đến khoảng hơn 13 giờ 30 phút, Trần Đức L đi bộ xuống nhà Nguyễn Văn V2, sinh năm 1974, nhân khẩu thường trú tại Thôn 6, xã K, huyện D, tỉnh Lâm Đồng thì gặp Q1 đang ngồi nói chuyện trong nhà với V2 nên L vào nói chuyện, đồng thời hỏi M1 về việc mâu thuẫn với bố con Th1. Được một lúc, L đứng dậy nói với M1 “*để tôi xuống nhà Th1 nói chuyện cụ thể*” rồi đi bộ sang quán cà phê nhà M1 gặp chị Nguyễn Thị Ngọc Q1 (vợ M1) mượn xe ô tô thì chị Q1 nói “*chìa khóa cắm sẵn trên xe, anh cứ lấy mà đi*” thì L lên xe chạy về hướng xã LN, huyện B.

Khoảng 13 giờ 53 phút, L gọi điện thoại cho Th1 thì gặp chị V cầm điện thoại nói L có gì xuống nhà nói chuyện cụ thể và chỉ địa chỉ nhà cho L đến. Khi đến, thấy Th1 đang đứng chờ sẵn phía trước thì L chạy xe ô tô 51A- 497.09 đến đậu sát lề đường phía bên phải trước cổng sắt nhà Th1, rồi vào trong nhà ngồi ở ghế salon bằng gỗ tại phòng khách, L nói “*những đứa nào liên quan thì ở trong nhà, còn lại ra ngoài hết*”. Khi vào trong nhà Th1 có tổng cộng 09 người gồm: L ngồi ở ghế gỗ đơn đầu tiên bên phía trái gần cửa ra vào (theo hướng từ ngoài cửa nhìn vào); chị V ngồi ghế đơn gần phía bên trái chỗ L ngồi; G ngồi ghế gỗ dài sát vách tường bên phải phòng khách đối diện với L; Th1 ngồi ở ghế gỗ dài sát bên phải G; C ngồi trên ghế nhựa sát bên trái G; chị V1 ngồi trên ghế nhựa sát góc trái của phòng khách gần cửa ra vào chỗ sau lưng chỗ L ngồi. Phía ngoài sân có 02 người gồm: Q ngồi trên ghế nhựa phía bên ngoài hiên nhà sát vách tường bên phải gần cửa ra vào phòng khách và Q1 đang đứng sát hàng rào bên trái nói chuyện với Th (tên gọi khác là Bòm- hàng xóm bên cạnh nhà); dưới bếp có Nguyễn Tiến V3, sinh năm 1988, là cán bộ Ban quản lý rừng phòng hộ ĐamBri (bạn của gia đình Th1 đến chơi trước đó) Đ ngồi ăn cơm. Lúc này, L nói Th1 phải đưa G và C lên gặp M1 xin lỗi. Nghe vậy, G xen ngang nói “*sự việc ngày hôm nay để em nói lại cho anh nghe*”, L ngắt lời G nói “*mày chưa đủ tuổi, cảm mồm không tao lấy súng bắn vỡ đầu mày*”, G nói lại “*em có làm gì đâu mà anh đòi bắn em*”, L nghe vậy vừa chửi

“*mẹ mày, thích nói hả*” vừa dùng tay phải vén áo thun phía thắt lưng quần bên phải lên, tay phải cầm vào báng súng ngắn đang dắt ở lưng quần chuẩn bị rút ra thì chị V1 nhìn thấy la lên “*nó có súng, nó có súng*”, G ngồi đối diện thấy vậy chồm người tới giữ chặt cổ tay và bàn tay phải của L rồi đâm vào mặt L và hô lên “*thằng này nó có súng*”. Nghe vậy, C, Q1, Q cùng xông vào ôm người, giữ hai tay của L đồng thời dùng tay đánh vào mặt, vào người của L để tước súng trên tay L nhưng vẫn không tước được súng. Lúc này có Nguyễn Văn V4, sinh năm 1984, trú tại Thôn 6, xã K, huyện D, tỉnh Lâm Đồng đang chạy xe máy chở Nguyễn Văn V5, sinh năm 1992 đi qua theo hướng từ xã X đi về huyện B thấy vậy dừng xe lại, đi vào sân thấy G, C, Q, Q1 đang ôm, giữ chặt hai tay, giằng co để tước súng của L thì V4 chạy đến phía sau L dùng tay trái vòng qua cổ L siết chặt và tay phải ôm ngang bụng L kéo ngược về phía sau thì G lấy được súng ngắn trên tay L đưa cho anh Th, thì anh Th nói G đưa khẩu súng ngắn cho anh Nguyễn Tiến V3 đang đứng ở đường luồng bên hông sát phòng khách, sau đó anh V3 cất vào tủ bên trong phòng ngủ. Còn L sau khi bị tước súng và bị đánh thì chạy đến leo qua hàng rào phía bên phải nhà Th1 thì bị vướng vào cọc nhọn nên người treo lơ lửng, được mọi người đến đỡ, gỡ quần bị vướng vào hàng rào cho L, L tiếp tục bỏ chạy về hướng vườn cà phê sau nhà Th (Th Bờm) thì G, C, Q1, Q đuổi theo được khoảng 150m thì giữ được L đưa về lại nhà Th1. Đến khoảng 14 giờ 00 phút cùng ngày do được điện báo nên anh Nguyễn Quốc T1 và anh Phạm Văn T2 (Công an viên Thôn 13, xã LN, huyện B) đến nhà Th ghi nhận vụ việc và báo Công an xã LN, báo Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đến lập Biên bản phạm tội quả tang.

Về tang vật: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng hiện đang tạm giữ các tang vật liên quan đến vụ án gồm: 01 khẩu súng K54 do Trung Quốc sản xuất có số hiệu 13C10580 66 1966 (sản xuất năm 1966), súng đã cũ, đang sử dụng; 01 hộp tiếp đạn dưới đáy có số 6502; 03 viên đạn trong đó có 02 viên ký hiệu 531 và 01 viên ký hiệu 5333, đường kính đầu đạn 7,62mm; 01 quần jean sort lưng màu xanh; 01 áo thun ngắn tay màu tím; 01 thắt lưng bằng da màu nâu; 02 cây cán xẻng bằng tre, một đầu được cưa bằng phẳng, một đầu còn lại bị chặt, đường kính mỗi cây khoảng 03cm, một cây dài 1,2m và một cây dài 1,09m.

01 xe ô tô 07 chỗ hiệu Fairymàu trắng bạc, biển số 51A- 497.09 (số máy SF 493ZQ76050597, số khung RMMS22DS771A00227). Ngày 20/7/2015 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ra quyết định xử lý vật chứng giao cho vợ chồng M quản lý.

Đối với khẩu súng K54, hộp tiếp đạn và 03 viên đạn đã thu giữ, kết quả kiểm tra, rà soát toàn bộ số vũ khí, đạn thuộc Bộ Quốc Phòng và 29 đơn vị thuộc Bộ Công an xác định không có tài liệu lưu trữ liên quan đến khẩu súng ngắn K54 và hộp tiếp đạn, lô đạn nào có số hiệu, ký hiệu như trên. Do đó không xác định được nguồn gốc đơn vị quản lý khẩu súng nói trên.

Tại bản Cáo trạng số 75/CT- VKS ngày 28 tháng 11 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Trần Đức L về tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 230 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa:

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Viện kiểm sát áp giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố; Đề nghị: áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 230 Bộ luật hình sự năm 1999 (điểm h khoản 2 Điều 304 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017) tuyên bố bị cáo Trần Đức L phạm tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*” và đề nghị xử phạt bị cáo Trần Đức L từ 05 năm đến 06 năm tù, thời hạn tù tính

từ ngày 06/7/2015. Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về xử lý vật chứng và án phí hình sự sơ thẩm.

+ Bị cáo Trần Đức L không thừa nhận hành vi phạm tội mà cho rằng bị cáo bị oan.

+ Luật sư Thái Văn Ch và luật sư Nguyễn Văn S bào chữa cho bị cáo đều cho rằng khẩu súng trên không phải của bị cáo mang đến mà là của anh Th1 và anh Lê Huy G. Hồ sơ vụ án có rất nhiều sai sót, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, không đúng sự thật khách quan của vụ án. Bị cáo bị oan sai, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo không phạm tội và trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa.

+ Luật sư Lê Thanh H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có gửi ý kiến bào chữa cho Hội đồng xét xử. Luật sư H cho rằng bị cáo không thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Bị cáo không phạm tội. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo L không phạm tội.

+ Những người làm chứng có mặt tại phiên tòa đều khai thống nội dung vụ án như Cáo trạng.

+ Các Điều tra viên, Kiểm sát viên đều trình bày thực hiện nhiệm vụ được giao có sự phân công của Lãnh đạo cơ quan và đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật.

+ Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo bị oan, bị cáo không mang súng đến nhà anh Th1, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tuyên bố bị cáo không phạm tội và trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý đối với những người làm sai, khởi tố những người gây thương tích và lấy tài sản của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng; Cơ quan điều tra Công an huyện B; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng; Viện kiểm sát nhân dân huyện B; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và các Luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng các hành vi của người tiến hành tố tụng khi lập Biên bản phạm tội quả tang, Biên bản vụ việc và khi tiến hành lấy lời khai của một số người làm chứng là sai, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Mặc dù các hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện có sai sót nhưng về cơ bản không ảnh hưởng nhiều đến bản chất và nội dung của vụ án.

[2] Về hành vi của bị cáo Trần Đức L thể hiện:

Do mâu thuẫn cá nhân nên vào ngày 06/7/2015 Trần Đức L đã có hành vi mang theo 01 khẩu súng ngắn K54 (được giám định là vũ khí quân dụng) đến nhà anh Th (Th1) ở Thôn 13, xã LN, huyện B, tỉnh Lâm Đồng để hù dọa một số người trong gia đình anh Th, sau đó bị những người trong nhà anh Th phát hiện và cùng một số người khác đã khống chế tước súng ngắn K54 của L và báo Công an xã LN, Công an huyện B đến lập biên bản phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng.

Tại bản kết luận giám định số 1979/GĐ-PC54 ngày 09/7/2015 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng kết luận: Khẩu súng gửi giám định là súng quân dụng K54 có số hiệu 13C10580 66 1966 (sản xuất năm 1966) do Trung Quốc sản xuất, súng này đã sử dụng (súng cũ); 03 viên đạn gửi giám định đường kính đầu đạn 7,62mm là loại đạn sử dụng cho súng K54. Quá trình điều tra không xác định được nguồn gốc đơn vị quản lý khẩu súng nói trên.

Mặc dù bị cáo L không nhận tội và kêu oan; các luật sư bào chữa cho bị cáo cho rằng hồ sơ vụ án có rất nhiều sai phạm, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, không có giá trị pháp lý để chứng minh, có dấu hiệu tạo dựng, không đúng sự thật khách quan của vụ án... nhưng đối chiếu lời khai của những người làm chứng với Biên bản khám nghiệm hiện trường, Biên bản thực nghiệm điều tra, Biên bản đối chất, Biên bản kiểm tra thuê bao điện thoại di động, Biên bản xem xét dấu vết thân thể, Biên bản nhận dạng, Bản ảnh giám định, Bản ảnh khám nghiệm hiện trường + kiểm tra dấu vết thân thể, Bản ảnh thực nghiệm điều tra, Kết luận giám định cùng các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Trần Đức L không có giấy phép sử dụng súng ngắn K54 này nhưng đã cố ý cất giấu súng trong người để hù dọa người khác nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*” được quy định tại Điều 230 Bộ luật hình sự năm 1999 (Điều 304 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bị cáo L đã có 01 tiền án về tội *Cố ý gây thương tích*, tính đến ngày phạm tội 06/7/2015 bị cáo L chưa thi hành xong phần dân sự của bản án trước nên lần phạm tội này trong thời gian chưa được xóa án tích là thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Luật sư Lê Thanh H bào chữa cho bị cáo L cho rằng việc Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo với tình tiết định khung tăng nặng “*tái phạm nguy hiểm*” là không đúng. Bởi vì: Sau khi bản án số 113/HSST ngày 01/4/2004 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng có hiệu lực pháp luật, bà Vũ Thị M2 không được anh Trần Minh M3 ủy quyền làm đơn yêu cầu thi hành án về phần bồi thường dân sự nên việc Cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án theo đơn yêu cầu của bà M2 là không đúng pháp luật; trong thời hạn 03 năm kể từ ngày bản án trên có hiệu lực pháp luật, anh M3 không yêu cầu thi hành án nên đã hết thời hiệu yêu cầu thi hành án. Tính đến ngày 06/7/2015 bị cáo đương nhiên đã được xóa án tích đối với bản án nêu trên nên không thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Qua xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Trong vụ án nói trên, kết luận giám định anh M3 bị L đánh bằng cây gỗ vào đầu gây thương tích máu tụ trong não vùng thái dương (T) đã được điều trị nhưng hiện còn di chứng *Rối loạn ngôn ngữ, khó nói trở ngại trong giao tiếp, mất khả năng giao dịch bằng chữ viết. Tỷ lệ thương tật 61%*, toàn bộ chi phí chữa trị đều do gia đình bị hại thanh toán. Vì vậy, khi xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã xác định bà Vũ Thị M2 (mẹ của anh M3) là người đại diện cho anh M3 và đã tuyên buộc bị cáo L phải bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 34.300.000đ. Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật bà M2 đã làm đơn yêu cầu thi hành án là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật. Vì vậy lời bào chữa của Luật sư Lê Thanh H là không phù hợp nên không được Hội Đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Đức L đã phạm tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*” như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 230 Bộ luật hình sự năm 1999 (điểm h khoản 2 Điều 304 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự coi thường pháp luật, xâm phạm các quy định của Nhà nước về quản lý vũ khí quân dụng, đe dọa đến an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo L không nhận tội và kêu oan. Quá trình xét xử, bị cáo không giải thích được những mâu thuẫn trong lời khai của mình với những người làm chứng, không tỏ ra ăn năn hối cải. Vì vậy cần phải xử phạt nghiêm bị cáo mới có tác dụng giáo dục và ngăn ngừa chung trong cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm hiện nay. Vì

vậy, cần thiết phải áp dụng chọi cáo một mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, đủ để răn đe, cải tạo, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS 2015 và Điều 106 BLTTHS 2015:

Đối với 01 khẩu súng K54 do Trung Quốc sản xuất có số hiệu 13C10580 66 1966 (sản xuất năm 1966), súng đã cũ, đang sử dụng; 01 hộp tiếp đạn dưới đáy có số 6502; 03 viên đạn trong đó có 02 viên ký hiệu 531 và 01 viên ký hiệu 5333, đường kính đầu đạn 7,62mm, do không xác định được nguồn gốc đơn vị quản lý khẩu súng này nên cần tịch thu và giao cho Ban chỉ huy quân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng xử lý theo thẩm quyền.

Đối với 01 quần jean sort lưng màu xanh; 01 áo thun ngắn tay màu tím; 01 thắt lưng bằng da màu nâu; 02 cây cán xẻng bằng tre, một đầu được cưa bằng phẳng, một đầu còn lại bị chặt, đường kính mỗi cây khoảng 03cm, một cây dài 1,2m và một cây dài 1,09m hiện không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 xe ô tô 07 chỗ hiệu Fairymàu trắng bạc, biển số 51A- 497.09 (số máy SF 493ZQ76050597, số khung RMMS22DS771A00227). Ngày 20/7/2015 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ra quyết định xử lý vật chứng giao cho vợ chồng M quản lý là phù hợp nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*” buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo **Trần Đức L** phạm tội “*Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng*”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 230 Bộ luật hình sự năm 1999 (điểm h khoản 2 Điều 304 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung 2017);

Xử phạt bị cáo **Trần Đức L 05** (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/7/2015.

2. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu và giao cho Ban chỉ huy quân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng 01 khẩu súng K54 do Trung Quốc sản xuất có số hiệu 13C10580 66 1966 (sản xuất năm 1966), súng đã cũ, đang sử dụng; 01 hộp tiếp đạn dưới đáy có số 6502; 03 viên đạn trong đó có 02 viên ký hiệu 531 và 01 viên ký hiệu 5333, đường kính đầu đạn 7,62mm để xử lý theo thẩm quyền.

Tịch thu tiêu hủy 01 quần jean sort lưng màu xanh; 01 áo thun ngắn tay màu tím; 01 thắt lưng bằng da màu nâu; 02 cây cán xẻng bằng tre, một đầu được cưa bằng phẳng, một đầu còn lại bị chặt, đường kính mỗi cây khoảng 03cm, một cây dài 1,2m và một cây dài 1,09m.

(*Toàn bộ các vật chứng trên hiện đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng*).

Đối với 01 xe ô tô 07 chỗ hiệu Fairymàu trắng bạc, biển số 51A- 497.09 (số máy SF 493ZQ76050597, số khung RMMS22DS771A00227). Ngày 20/7/2015 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B đã ra quyết định xử lý vật chứng giao cho vợ chồng M quản lý là phù hợp nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

3. Về án phí: Bị cáo Trần Đức L phải chịu 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay (23/01/2018) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND, CA huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Bị cáo, những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Đức Trường